

Ngày soạn: 14/01/2022

TIẾT 22: KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

Lớp: 6A, ngày dạy....., kiểm diện:.....

Lớp: 6B, ngày dạy....., kiểm diện:.....

I. MỤC TIÊU: Học xong bài này học sinh phải:

1. Kiến thức:

Thông qua bài kiểm tra giáo viên đánh giá được kết quả học tập của học sinh về kiến thức, kỹ năng, vận dụng.

2. Năng lực chuyên biệt:

Áp dụng kiến thức công nghệ đã học vào thực tiễn.

3. Phẩm chất:

Giáo dục cho học sinh tính cẩn thận, tính trung thực trong thi cử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Đề kiểm tra đánh giá giữa học kỳ II, giấy kiểm tra.

III. NỘI DUNG:

Ma trận

Đề kiểm tra

Đáp án

IV. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

1. Xác định mục tiêu, nội dung đề kiểm tra: Căn cứ vào chuẩn kiến thức kỹ năng.

2. Hình thức kiểm tra

+ 30% trắc nghiệm: 12 câu

+ 70% tự luận: 3 câu

3. Khung ma trận đề

3.1. Ma trận đề kiểm tra

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Thấp	Cao	
1. Trang phục trong đời sống.	Trình bày được vai trò của trang phục và đặc điểm của nó Phân loại được trang phục, một số loại vải để may trang phục (Câu 1, 2, 3, 5, 6, 7) (Câu 17 ý a)	Hiểu được một số loại vải để may trang phục, hiểu được một số loại vải thông dụng để may trang phục (Câu 4) (Câu 17 ý b)			
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: 6,5 Số điểm: 2,5 Tỉ lệ: 25%	Số câu: 1,5 Số điểm: 1,25 Tỉ lệ: 12,5%			Số câu: 8,0 Số điểm: 3,75 Tỉ lệ: 37,5%
2. Sử dụng và bảo quản trang phục	Các cách sử dụng và phối hợp trang phục (Câu 8, 12)	Hiểu cách sử dụng trang phục (Câu 9, 10, 11)	Biết cách sử dụng trang phục cho đúng, cách phối hợp trang phục (Câu 18 ý b)	Biết cách lựa chọn trang phục (Câu 18 ý a)	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: 2 Số điểm: 0,5 Tỉ lệ: 5%	Số câu: 3 Số điểm: 0,75 Tỉ lệ: 7,5%	Số câu: 0,5 Số điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 0,5 Số điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 6,0 Số điểm: 3,25 Tỉ lệ 32,5 %
3. Thời trang		Hiểu được thế nào là thời trang, các phong cách thời trang (Câu 13, 14, 15, 16, 19 ý a)	Phong cách thời trang là gì và phong cách thường thấy trong cuộc sống (Câu 19 ý b)		
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:		Số câu: 4,5 Số điểm: 2,0 Tỉ lệ 20 %	Số câu: 0,5 Số điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%		Số câu: 5,0 Số điểm: 3,0 Tỉ lệ 30 %
T.Số câu: T.Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: 8,5 Số điểm: 3 Tỉ lệ 30 %	Số câu: 9,0 Số điểm: 4 Tỉ lệ 40 %	Số câu: 1,0 Số điểm: 2 Tỉ lệ 20 %	Số câu: 0,5 Số điểm: 1 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 19 Số điểm: 10 Tỉ lệ 100 %

3.2. Đề kiểm tra

Họ tên học sinh: Lớp:

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Câu 1: Trong các trang phục sau đây những vật dụng nào là quan trọng nhất?

- A. Giày
B. Thắt lưng
C. Tất, khăn quàng, mũ
D. Quần áo

Câu 2: Trang phục có thể phân loại theo?

- A. Theo giới tính
B. Theo lứa tuổi
C. Theo thời tiết
D. Tất cả các đáp án A, B, C

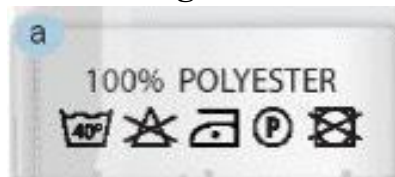
Câu 3: Vải sợi tổng hợp thuộc loại vải nào?

- A. Vải sợi thiên nhiên
B. Vải sợi hóa học
C. Vải sợi pha
D. Không thuộc các đáp án trên

Câu 4: Vải sợi polyester thuộc loại vải nào?

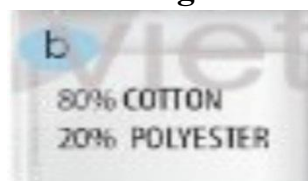
- A. Vải sợi thiên nhiên
B. Vải sợi hóa học
C. Vải sợi pha
D. Không thuộc các đáp án trên

Câu 5: Ý nghĩa của nhãn quần áo ghi trong hình là gì?



- A. Làm hoàn toàn từ vải sợi tổng hợp
B. Làm hoàn toàn từ vải sợi thiên nhiên
C. Làm từ vải sợi thiên nhiên và vải sợi tổng hợp
D. Tất cả các đáp án trên

Câu 6: Ý nghĩa của nhãn quần áo ghi trong hình là gì?



- A. Làm hoàn toàn từ vải sợi tổng hợp
B. Làm hoàn toàn từ vải sợi thiên nhiên
C. 80% làm từ vải sợi thiên nhiên và 20% làm từ vải sợi tổng hợp
D. Tất cả các đáp án trên

Câu 7: Ý nghĩa của nhãn quần áo ghi trong hình là gì?



- A. Làm hoàn toàn từ vải sợi tổng hợp
B. Làm hoàn toàn từ vải sợi thiên nhiên
C. Làm từ vải sợi thiên nhiên và vải sợi tổng hợp
D. Tất cả các đáp án trên?

Câu 8: Có mấy cách sử dụng trang phục

- A. 1
C. 3
- B. 2
D. 4

Câu 9: Trang phục nào dưới đây có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động có màu sắc hài hòa thường được may từ vải sợi pha?

- A. Trang phục lao động
C. Trang phục ở nhà
- B. Trang phục dự lễ hội
D. Trang phục đi học

Câu 10: Trang phục nào dưới đây có kiểu dáng đơn giản, rộng, dễ hoạt động; có màu sẫm, được may từ vải sợi bông?

- A. Trang phục lao động
C. Trang phục ở nhà
- B. Trang phục dự lễ hội
D. Trang phục đi học

Câu 11: Trang phục nào dưới đây có kiểu dáng đẹp, trang trọng; có thể là trang phục truyền thống, tùy thuộc vào tính chất lễ hội?

- A. Trang phục lao động
C. Trang phục ở nhà
- B. Trang phục dự lễ hội
D. Trang phục đi học

Câu 12: Có mấy cách phối hợp trang phục?

- A. 1
C. 3
- B. 2
D. 4

Câu 13: Phong cách thời trang nào thường được sử dụng để đi học, đi làm, tham gia các sự kiện có tính chất trang trọng?

- A. Phong cách cổ điển
C. Phong cách dân gian
- B. Phong cách thể thao
D. Phong cách lãng mạn

Câu 14: Phong cách thời trang nào thể hiện sự nhẹ nhàng, mềm mại thông qua các đường cong, đường uốn lượn; thường sử dụng cho phụ nữ là phong cách thời trang nào dưới đây?

- A. Phong cách cổ điển
C. Phong cách dân gian
- B. Phong cách thể thao
D. Phong cách lãng mạn

Câu 15: Phong cách thời trang nào có thiết kế đơn giản, đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khắn; thoải mái khi vận động?

- A. Phong cách cổ điển
C. Phong cách dân gian
- B. Phong cách thể thao
D. Phong cách lãng mạn

Câu 16: Phong cách thời trang nào có nét đặc trưng của trang phục dân tộc về hoa văn, chất liệu, kiểu dáng?

- A. Phong cách cổ điển
C. Phong cách dân gian
- B. Phong cách thể thao
D. Phong cách lãng mạn

II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 17. (2 điểm)

- a. Nêu vai trò của trang phục? và đặc điểm của trang phục?
- b. Một số loại vải thông dụng để may mặc là những loại vải nào, em hãy kể tên những loại vải đó?

Câu 18. (2 điểm)

- a. Làm thế nào để có những bộ trang phục đẹp?
- b. Trang phục đi học có những đặc điểm gì?

Câu 19. (2 điểm)

- a. Thế nào là mặc hợp thời trang?

b. Phong cách thời trang là gì và có những phong cách thời trang nào thường thấy trong cuộc sống?

BÀI LÀM

3.3. ĐÁP ÁN BIỂU ĐIỂM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	D	D	B	C	A	C	B	D	D	A	B	B	A	D	B	C

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM

NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 17: a. Trang phục có vai trò che chở bảo vệ cơ thể con người 1 số tác động có hại của thời tiết và môi trường. Đồng thời trang phục góp phần tôn lên vẻ đẹp của người, nhờ sự lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm cơ thể hoàn cảnh sử dụng. b. Đặc điểm của trang phục là căn cứ để lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục Chất liệu Kiểu dáng Màu sắc Đường nét, họa tiết	0,25điểm 0,25điểm 0,25điểm 0,25điểm
Câu 18: a. Cơ thể con người rất đa dạng về tầm vóc và hình dáng. Khi lựa chọn trang phục, cần đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm trang phục với vóc dáng cơ thể. Phối hợp chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết khác nhau có thể tạo ra các hiệu ứng thẩm mỹ nâng cao vẻ đẹp của người mặc. b. Cách sử dụng trang phục: Trang phục đi học có kiểu dáng đơn giản, gọn gang, dễ mặc dễ hoạt động có màu sắc hài hòa thường được may từ vải sợi pha.	0,5 điểm 0,5 điểm
Câu 19: a. Thời trang là những kiểu trang phục được sử dụng phổ biến trong xã hội vào một khoảng thời gian nhất định. b. Phong cách thời trang là cách mặc trang phục tạo nên vẻ đẹp nét độc đáo riêng cho từng cá nhân và được lựa chọn bởi tính cách sở thích của người mặc. Có các phong cách thời trang: - Phong cách cổ điển - Phong cách thể thao - Phong cách dân gian - Phong cách lãng mạn	0,25điểm 0,25điểm 0,25điểm 0,25điểm

TỔ CHUYÊN MÔN
PHÊ DUYỆT

NHÓM CHUYÊN MÔN
PHÊ DUYỆT

NGƯỜI THỰC HIỆN

